

Văn học Phật giáo là một bộ phận cấu thành quan trọng của Văn học Việt Nam. Bộ phận này gắn với triết học Phật giáo và môn học Phật giáo nói chung, thi pháp và môn học thi pháp nói riêng thông qua, tập trung phản ánh những vấn đề liên quan đến bản thân luân lý và giải thoát luân lý. Phật giáo Thi pháp tông quan niệm “Phật tính bình đẳng”; “Nhất chân pháp giới” thực tính bản thân của mọi chúng sinh bao gồm các loài hữu tình và vô tình đều không khác nhau. Truy thủ, ngữ pháp, sáng tạo văn vần và văn xuôi con người thực, với chân tâm Phật tánh trong mọi chúng sinh là mục tiêu lý tưởng của cuộc đời của các văn sĩ Phật giáo. Đây chính là sự giải thoát với ý nghĩa cao nhất, vượt trội nhất, thoát ra ngoài mọi sự trói buộc. Sự nhất quán này thể hiện rõ trong học thuyết văn học Phật giáo, mà toàn bộ các tác phẩm thực tiễn thi pháp Lý Trần là minh chứng xác thực.

Thực khó có thể tìm hiểu một cách rõ ràng một hiện tượng văn học nói chung, một tác phẩm văn học nói riêng mà bỏ qua việc tìm hiểu ngôn ngữ nghệ thuật. Bởi vì văn học là nghệ thuật ngôn từ, mà ngôn ngữ là yếu tố thực nhất của văn học. Do đó, muốn khám phá một cách toàn diện bản thể một tác phẩm nghệ thuật ngôn từ nào không thể không nghiên cứu nghiêm túc và phân tích kỹ lưỡng ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm.

Với sự phát triển của các phương pháp nghiên cứu văn học như hiện nay, thì văn bản nghệ thuật trong tính chất của nó là cần sự khách quan quan trọng nhất để nghiên cứu tác phẩm, mà các quy tắc về ngôn ngữ là thực tiễn và đầu tiên. Nghiên cứu tác phẩm văn học là phải hiểu rõ toàn bộ ngữ cảnh, mà ngữ cảnh thực tiễn nhất là các quy tắc ngôn ngữ của văn bản tác phẩm. Điểu kiện cần để hiểu đúng ý nghĩa tác phẩm là phải hiểu rõ nghĩa của các từ, câu, đoạn và nghĩa của toàn bộ văn bản. Chính bản thân ngôn từ của tác phẩm là cái gắn liền với nội dung thực mà trong ngữ cảnh, thể giải nghệ thuật trong tác phẩm văn học sinh ra từ ngôn từ. Vì vậy, nghiên cứu một cách nghiêm túc và một tác phẩm văn học là phải lý giải văn bản ngôn từ làm công việc. Tác giả của tác phẩm cũng thông qua đường dẫn của văn bản ngôn từ để thể hiện ý nghĩa thực sự của tác phẩm.

Ngôn từ là một yếu tố quan trọng trong sáu điều cần yếu dùng để đánh giá đúng một tác phẩm văn học theo quan điểm của Lưu Hiệp trong tác phẩm lý luận văn học kinh điển của châu Á Văn tâm điêu long: “Một là xem tác phẩm chôn giấu tài nào; hai là xem nó bề trí tuệ văn (ngôn từ); ba là xem nó tiếp thu những gì của người đi trước và sáng tạo những gì; bốn là xem phương pháp nó biểu hiện; năm là xem ý nghĩa các điều tích nó dùng; sáu là xem âm nhạc của nó. Nếu đã thực hiện các phương pháp này thì thực dụng hay không của tác phẩm”*.

Bản thân ngôn từ nghệ thuật mang trong mình kinh nghiệm, thực nghiệm, trải nghiệm của chủ

thể sáng tác. Căn cứ trên văn bản ngôn từ, chúng ta sẽ khám phá ra nhiều những ý nghĩa của tác phẩm chưa được phát hiện ra; chúng ta không nên nhìn nhận những bài thơ của những nhà nghiên cứu uy tín đi trước, mà còn phát hiện được những ý nghĩa mới nằm ngoài dòng tâm chủ quan của chính tác giả.

Một trong những đặc trưng khu biệt của văn học Phật giáo với những dòng văn học khác chính là cách sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật. Với quan niệm “ngôn ngữ đạo đức”, tức nói, ngôn từ học hành này đây không thể diễn tả trọn vẹn và đầy đủ cái chân lý vô cùng, thì hiện rõ nét quan điểm mà học Phật giáo Đông. Ngôn ngữ thông thường khó có thể diễn tả, thì hiện được trọn vẹn những thứ như: cái tĩnh mà động, thế động mà biến, học mà thuyết, một là tất cả, tất cả là một của vận pháp. Ngôn ngữ văn học thi pháp Phật giáo được dùng để diễn đạt tính hàm súc. Một câu vắn, cái hiện ra qua bề mặt ngôn ngữ cũng chỉ là một phần nhỏ của tầng băng trôi, phần chính yếu, ngôn ngữ không thể diễn tả hết được chúng khác nào như chính phần còn chìm dưới mặt nước của tầng băng, phần tầng sau lớp bề mặt. Cho nên ngôn ngữ của văn học thi pháp Phật giáo không có quá kỳ vọng diễn đạt một cách trọn vẹn để diễn tả những học hỏi mà cần thiết cho khi gặp gỡ những lãnh đạo và những người.

Hơn nữa, các văn sĩ Phật giáo hiện một cách thú vị đáng ngạc nhiên, tuy ý tưởng phát sinh trong đầu, cho đến khi dùng nghệ thuật ngôn từ diễn đạt thành lời thơ, lời văn còn có một khoảng cách vô hình. Điều này những tác gia thiên tài, thì cái khoảng cách vô hình tuy tưởng tượng ngôn từ chỉ có thể tìm thấy đến đến sự không chỉ hoàn toàn không thể xóa bỏ hoàn. Đó là chưa nói đến thân ngôn ngữ vận không thể nào thể hiện được một cách trọn vẹn để diễn tả, nếu muốn chúng thì có lẽ sẽ không bao giờ tìm được chân lý đích thực. Nhưng tuy tác của thi ca Phật giáo Đông phương là những tác phẩm được học hoàn toàn, chưa đầy đủ, chưa trọn vẹn, chưa kết thúc. Chính điều này tạo nên sự lung linh mờ ảo, huyền bí có sự sống vô hạn, sự cuốn hút vô biên không thể cưỡng lại đối với những người thưởng thức. Những tác phẩm này, không những khác biệt với những nhà chán, mà còn tạo được sự kích thích lòng lao của sự học tập trong việc khám phá được sự kỳ diệu và bí ẩn của thi ca. Đúng như cách nói của nhà Phật: Mọi người đều có sự tất cả mà những người được sự nóng lòng học của nó; Ai ăn sự tất cả mà những người được sự mùi vị của món ăn, dù có diễn tả hay cách mà cũng không nói hết được.

Ngoài những nét chung của ngôn ngữ nghệ thuật Phật giáo Đông phương, ngôn ngữ nghệ thuật của các tác phẩm văn học Phật giáo thế kỷ này chủ yếu những sâu sắc của tư tưởng Tam giáo nói chung, triết học Phật giáo và một học Phật giáo nói riêng, nhất là thi pháp học, nên được dùng để diễn đạt tính hàm súc và gợi cảm. Tính chất ý nghĩa ngoài lời không thể chỉ hiện theo nghĩa lời ít ý nhiều, có những những ý nghĩa; điều này tuy nhiên có thể hiện được theo cách của sự liên tưởng, mà khi vượt ra ngoài khuôn sáo ngữ nghĩa thông thường vận có của ngôn ngữ. Nói như vậy nghĩa là thông điệp của tác giả phát ra khó có thể diễn tả bằng tư duy luận lý thông thường, mà phải dùng đến trực giác. Một trong những mục đích của các tác phẩm văn học thi pháp Phật giáo là để diễn đạt và diễn tả những tư tưởng và những suy nghĩ logic, và duy lý tính,

ta nên mở mắt khi bước, khi “nghe lời”. Khi nghe lời này là đi vào kiến thức, đến đến sự bùng nổ, khai thông tiềm lực vô biên của trí tuệ, khi đến các giới lĩnh hội trình độ các thông điệp của tác giả một cách chính xác nhất.

Đôi khi nhận quan của các tác giả, ngôn ngữ nghệ thuật trong các tác phẩm văn học thi nhân Phật giáo được xem như một “pháp” bình đẳng với các “pháp khác”, vượt ra ngoài mọi quy tắc và mở rộng ý nghĩa ta nên mở mắt khi ngôn ngữ nghệ thuật mở: ngôn ngữ thi nhân, mở mắt lo ngại siêu ngôn ngữ. Bằng cách phá quan niệm nghệ thuật về ngôn ngữ này bắt buộc cho sự bắt toàn của ngôn ngữ trong việc phân ánh, biểu hiện, tái tạo hiện thực khách quan và nhất là chi tiết sâu vô tận của tâm hồn người, của con người thể hiện trong con người, mà ngôn ngữ thông thường khó có thể thể hiện được, nếu không muốn nói là không thể hiện được.

Thế siêu ngôn ngữ này không những khác biệt với ngôn ngữ giao tiếp của ngôn ngữ nghệ thuật được sử dụng trong phạm vi ý nghĩa vốn có, mà còn mở rộng khả năng biểu hiện của ngôn ngữ đến mức tối đa, phát huy công năng của ngôn ngữ nghệ thuật đến vô giới hạn. Chỉ với siêu ngôn ngữ này mới có thể đáp ứng được nhu cầu phân ánh biểu hiện sự muôn màu muôn vẻ của cuộc sống, mà chi tiết sâu bí ẩn của tâm hồn người là minh chứng màu mỡ nhất.

Tính phi lý của thi nhân kích thích mãnh liệt sự tò mò và lòng ham hiểu biết chân lý, đó là cách thức giải phóng, khai thông nghệ thuật vô biên của tầng trong sâu thẳm của mọi con người. Tính chủ yếu ngoài lời, âm thanh ngoài dây đàn không thể hiểu theo nghĩa lời ít ý sâu, có nhiều tầng ý nghĩa để diễn tả trình độ nhận thức, có thể lĩnh hội theo cách của sự liên tưởng mà là lúc khi còn vượt ra ngoài khuôn sáo ngữ nghĩa thông thường của ngôn ngữ.

Chúng ta cùng đến với đời sống và đời sống trong chương Ngộ thanh của tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh:

Học trò thầy và thầy rầy: Lý không thể noi theo hết được, còn ham muốn có thể đạt được hay không?

Thầy trò hỏi: Không có thì đố, muợn có đố thì không đố. Nếu có chớ y cuợn cuợn, chớ y hoài sớ cuợn. Lớa cháy lớ m đố m, đố p thì cháy bùng lên.

Học trò thớa tiớ p vớ i thớ y: Có nớ c gì không phớ i là nớ c không?

Thầy nói rớ ng: Nếu nớ c đớ c xem là nớ c thì không phớ i nớ c thớ t.

T r ờ lớ i hớ i: Có lớ a gì k hông phớ i là lớ a không?

Thầy đáp: Nếu u lớ a đớ c xem là lớ a thì đó là lớ a giớ . Nếu c thớ t thì nóng đớ c, lớ a thớ t thì lớ nh đớ c. Cho nên ngớ i nào có ham muợn thì không ham muợn, ai không có lòng ham muợn thì ham muợn

(Ngô Thì Nhợ m, Trúc Lâm tông chớ nguyên thanh).

Nói cách khác, thông đớ p thớ t sớ mà thiớ n ngớ phát ra không thớ nào cớ m nhớ n trớ n vớ n bớ ng tớ duy luớ n lý thông thớ ng mà chớ có thớ đố t tớ i bớ ng phớ ng pháp Thiớ n trớ c hớ i. Nhớ có ngớ i hớ i:

“Ngôn ngớ đớ o đớ n là thớ nào?”

Thiớ n sớ Viên Chiớ u đố p:

Giác hớ ng tùy phong xuyên trúc đố, Sớ n nham đái nguyớ t quá tớ ng lai. (Tiớ ng sớ ng theo gió xuyên tre đớ n,

Vách núi mang trăng hiên vòm t (Viên Chiếu, Tham đề hiên quy).

Hai câu thơ đầy hình ảnh sinh động này nếu dùng tư duy lý tính, suy luận theo cấu trúc ngữ liên tưởng thì sẽ rơi vào suy diễn t bi, không thơ đ đ n thông điệp mà tác giả muốn thể hiện.

Đc nhng tác phẩm văn học thi n Phật giáo, ta không phải đc nhng gì ý nghĩa của ngôn ngữ thông thường mà là lĩnh hội trực tiếp thông điệp bằng cách “l y tâm h i tâm”, bằng trực cảm, trực h i, không thông qua tư duy lý tính. Ch có nh v y m i có thơ đ đ c cách nói ngh ch lý khác thường, phi luận lý, không thơ th y đ đ c trong cuộc sống:

Đc tri đoan đích ý, Thạch h gio kim ng u.

(Mun bi t nghĩa đích thơ, H đá c n trâu vàng) (Tu Trung, Thơ đ đ).

Đ tr l i câu hỏi: Thơ nào là b n ý? Thi n s Viên Chiếu đ b ng hai câu thơ tuy t di u:

Xuân ch c hoa nh c m, Thu lai đi p t hoàng. (Xuân đ t hoa nh g m, Thu v lá t vàng) (Viên Chiếu, Tham đề hiên quy). Nhng câu thơ v i hình ảnh tuy t m , giàu s c g i c m này m i nghe t ng ch ng nh ch ng ăn nh p gì v i câu hỏi đ t ra. Có bi u đ t v i ngôn ngữ phi luận lý nh trên thì m i đ s c đ p tan nhng c ch p, v ng m c c a ng i h c, nh m khai thông trí tuệ chân thơ t c a h .

M t đ c tr ng n a c a ngôn ngữ thơ thi n là vô ngôn. Đ bi u l , hi n bày chân tâm trong sáng, u huy n, t ch di u, không màu không mùi, không hình không dáng, không vuông không tròn, h c di n t tr ng hu ng giác ng , bùng v chân lý, giây phút thăng hoa trí tuệ không gì h n là vô ngôn. Cùng v i thi n ng (siêu ngôn ngữ), vô ngôn s b tíc thêm cho s b t toàn, b t c p c a ngôn ngữ.

Ngôn ngữ ngh thu t, dù đ đ c s đ ng tuy t di u đ n đâu đi chẳng n a, cũng mang m t ý nghĩa gi i h n nh t đ nh nào đó, vô ngôn đ a nó đ n cõi vô h n.

Chú thích:

1. Lưu Hữu Phước (1999), Văn tâm điều long, Nhà Văn học, Phan Ngọc dịch và chú thích, trang 273, 274.